

## **CHƯƠNG 18**

अथ द्विजो बाल इवासवेदः क्षिप्रं वणिक् प्राप्त इवासलाभः ।

जित्वा च राजन्य इवारिसैन्यं नन्दः कृतार्थो गुरुमभ्यगच्छत् ॥ १ ॥

Giờ đây, Nanda đã thành đạt được mục đích, tương tự như một thanh niên Bà-la-môn đã được thông thạo bộ kinh Vệ-đà, hoặc một người thương buôn mau chóng tích lũy lợi nhuận thâu vào, hoặc vị quân vương đã chiến thắng đội quân thù nghịch, nên đã đi đến gặp Bộc Đạo-sư (1)

द्रष्टुं सुखं ज्ञानसमाप्तिकाले गुरुर्हि शिष्यस्य गुरोश्च शिष्यः ।

परिश्रमस्ते सफलो मयीति यतो दिदृक्षास्य मुनौ बभूव ॥ २ ॥

Bởi vì, vào thời điểm của việc thành tựu sự giác ngộ thường có sự vui mừng của trò được gặp lại thầy, hoặc của thầy lúc gặp lại người học trò; do đó, Nanda rất mong mỏi được gặp lại Đấng Đạo-sư để trình bày rằng: "Công lao khó nhọc của Ngài đã có kết quả ở nơi con." (2)

यतो हि येनाधिगतो विशेषस्तस्योत्तमाङ्गेऽर्हति कर्तुमिच्छां ।

आर्यः सरागोऽपि कृतज्ञभावात्प्रक्षीणमानः किमु वीतरागः ॥ ३ ॥

Bởi vì, nhờ ai mà một người được thành công rực rỡ, động công danh, cho dù vẫn còn tham ái, người ấy, phát xuất từ lòng biết ơn, phải tỏ ra hết mực tôn kính đến bậc hữu ân; còn đối với vị đã dứt lòng ái dục, ngộ mạn đã bị tiêu diệt, bốn phận phải làm sẽ còn nhiều hơn thế nữa. (3)

यस्यार्थकामप्रभवा हि भक्तिस्ततोऽस्य सा तिष्ठति रुढमूला ।

धर्मान्वयो यस्य तु भक्तिरागस्तस्य प्रसादो हृदयावगाढः ॥ ४ ॥

Bởi vì, một người sẵn lòng hy sinh có nguyên nhân từ tình yêu hay của cải, sự hy sinh của người ấy sẽ tồn tại khi nào những nguyên nhân đó còn được tăng trưởng; nhưng đối với một người hành theo Giáo-pháp, sự năng nổ hy sinh chính là niềm tin của người ấy đã được ăn sâu vào tận tim não. (4)

काषायवासाः कनकावदातस्ततः स मूर्ध्ना गुरवे प्रणेमे ।

वातेरितः पद्मवताभ्ररागः पुष्पोज्ज्वलन्भीरिव कर्णिकारः ॥ ५ ॥

Sau đó, Nanda, trong bộ y màu nâu đỏ bị phai lợt thành màu vàng kim loại, đã để đầu đánh lễ Bậc Đạo-sư, trông giống như cây kamikara (kà-r-ní-ka-rá), với vẻ rực rỡ sáng chói của những đóa hoa và màu đồng đỏ của những chồi non, đang bị lay động trước gió. (5)

अथात्मनः शिष्यगुणस्य चैव महामुनेः शास्त्रगुणस्य चैव ।

संदर्शनार्थं स न मानहेतोः स्वां कार्यसिद्धिं कथयाम्बभूव ॥ ६ ॥

Rồi Nanda đã tường thuật lại sự thành tựu công việc cần phải làm của chính bản thân, không phải vì lý do tự mãn, mà nhằm mục đích bày tỏ mối quan hệ của

người đệ tử đối với Đức Phật, cũng như của Đấng Đạo-sư đối với chàng. (6)

या दृष्टिशल्यो हृदयावगाहः प्रभो भृशं मामनुदत्सुतीक्ष्णः ।

त्वद्वाक्यसंदंशमुखेन मे समुद्धतः शल्यहृतेव शल्यः ॥ ७ ॥

- "Bạch Ngài, mũi tên vô cùng sắc bén của những hiểu biết sai lạc (Tà Kiến) đã bắn vào con vô cùng mạnh mẽ, và đã cắm sâu vào trái tim con. Chính nhờ vào ngàm của cái kẹp, tức là lời giáo huấn của Ngài, mà mũi tên ấy đã được nhổ lên, tương tự như mũi tên đã được gắp ra bởi nhà phẫu thuật." (7)

कथंकथाभावगतोऽस्मि येन छिन्नः स निःसंशय संशयो मे ।

त्वच्छासनात्सत्पथमागतोऽस्मि सुदेशिकस्येव पथि प्रनष्टः ॥ ८ ॥

"Bạch Ngài là bậc đã đoạn tận mọi nghi ngờ, nỗi nghi ngờ lâu nay vẫn tồn tại trong lòng của con đã được xóa sạch. Và nhờ vào Giáp-pháp của Ngài nên con đã được bước vào đạo-lộ tốt đẹp; tương tự như kẻ lạc đường tìm lại được lối đi nhờ vào người hướng đạo giải giang." (8)

यत्पीतमास्वादवशेन्द्रियेण दर्पेण कन्दर्पविषं मयासीत् ।

तन्मे हतं त्वद्बचनागदेन विषं विनाशीव महागदेन ॥ ९ ॥

"Chất độc của sự yêu đương mà con đã uống vào do tính phóng dăng nhằm để làm thỏa mãn sự tầm cầu của các giác quan, chất độc ấy đã bị tiêu diệt bởi thuốc hóa giải là lời giảng dạy của Ngài; tương tự như loại thuốc độc có tính hủy diệt đã bị vô hiệu hoá bởi phương thần dược." (9)

क्षयं गतं जन्म निरस्तजन्मन्सद्धर्मचर्यासुषितोऽस्मि सम्यक् ।

कृत्स्नं कृतं मे कृतकार्यं कार्यं लोकेषु भूतोऽस्मि न लोकधर्मा ॥ १० ॥

“Bạch Ngài là bậc mà sự tái sinh không còn hiện hữu, sự tái sinh của con cũng đã bị hủy diệt, và con đang an trú một cách đúng đắn trong sự thực hành Giáo-pháp. Bạch Ngài là bậc đã hoàn thành các việc cần phải làm, con cũng đã hoàn thành tất cả các phận sự phải thực hành, và con đang tồn tại ở trong thế gian, nhưng không còn vướng bận vào các pháp của thế gian nữa.” (10)

मैत्रीस्तनी व्यञ्जनचारुसास्त्रां सद्धर्मदुग्धां प्रतिभानशृङ्गा ।

तवास्मि गां साधु निर्णीय तृप्तस्तृषेव गामुत्तम वत्सवर्णः ॥ ११ ॥

“Hỡi Bậc Tối Thượng, đối với con bấy giờ lòng khao khát đã được tiêu tan, giống như một chú bò con đã được thỏa mãn cơn khát nhờ bú sữa bò mẹ tức là lời giảng dạy khéo léo của Ngài, với bầu vú sữa là tức tâm từ ái, có núm vú tức là sự thiết thực, với cái yếm đẹp tức là ngôn từ khúc chiết, và nước sữa chính là Giáo-pháp quý cao.” (11)

यत्पश्यतश्चाधिगमो ममायं तन्मे समासेन मुने निबोध ।

सर्वज्ञं कामं विदितं तवैतत्त्वं तूपचारं प्रविबुधुरस्मि ॥ १२ ॥

“Bạch Đấng Giác-ngộ, xin Ngài hãy nghe con trình bày về việc con đã được hiểu biết và chứng ngộ. Bạch Ngài là bậc suốt thông mọi việc, mặc dầu Ngài đã biết rõ sự việc nhờ vào năng lực của Ngài, nhưng con vẫn mong muốn trình bày đến Ngài sự chứng ngộ của chính bản thân.” (12)

अन्येऽपि सन्तो विमुमुक्षवो हि श्रुत्वा विमोक्षाय नयं परस्य ।

मुक्तस्य रोगादिव रोगवन्तस्तेनैव मार्गेण सुखं घटन्ते ॥ १३ ॥

“Bởi vì, các bậc hiền nhân, mong muốn giải thoát, khi nghe được phương thức đưa đến giải thoát của một người đã được chứng ngộ, liền nỗ lực theo đuổi chính đạo-lộ ấy; tương tự như thế, những bệnh nhân muốn được khỏi bệnh, liền thực hành theo phương pháp trị liệu mà người khác đã thành công.” (13)

उभ्यादिकान् जन्मनि वेधि धातून्नात्मानमुभ्यादिषु तेषु किञ्चित् ।

यस्मादतस्तेषु न मेऽस्ति सक्तिर्बहिश्च काये च समा मतिर्मे ॥ १४ ॥

“Và con biết rằng những nhân tố cấu tạo\* nên sự sanh này như là đất, v.v..., và không có gì được gọi là bản ngã trong những nhân tố như đất, v.v...ấy. Do đó, từ nhận thức ấy, con không có chút nào chấp thủ đối với chúng cả. trí tuệ của con đã có sự bình đẳng giữa cái cơ thể và những gì ở bên ngoài của thân này.” (14)

स्कन्धाश्च रूपप्रभृतीन्दशार्थान्पश्यामि यस्माच्चपलानसारान् ।

अनात्मकश्चिव वधात्मकाश्च तस्माद्दिमुक्तोऽस्म्यशिवेभ्य एभ्यः ॥ १५ ॥

“Bởi vì, con nhận thức rằng thân năm uẩn bắt đầu từ sắc uẩn, v.v... là không bền vững, yếu đuối, không phải bản ngã, và có bản chất tiêu hoại; cho nên, con đã được thoát khỏi sự chấp thủ vào năm uẩn\* không chút tốt đẹp này..” (15)

यस्माच्च पश्याम्युदयं व्ययं च सर्वास्ववस्थास्वहमिन्द्रियाणां ।

तस्मादनित्येषु निरात्मकेषु दुःखेषु मे तेष्वपि नास्मि संगः ॥ १६ ॥

“Bởi vì con đã nhận thức được sự sanh lên và hoại diệt trong tất cả các hiện tượng của những giác quan; do đó, con không còn có sự vướng mắc ở chúng nữa, vì những hiện tượng ấy chỉ là vô thường, vô ngã, và khổ đau.” (16)

यतश्च लोकं समजन्मनिष्ठं पश्यामि निःसारमस्य सर्वं ।

अतो धिया मे मनसा विबद्धमस्मीति मे नेष्ठितमस्ति येन ॥ १७ ॥

“Bởi vì con nhận thức được rằng tất cả thế gian này có sự đồng sanh và đồng diệt, không có giá trị, và không có thực thể; do đó, với sự suy nghĩ với trí tuệ rằng: ‘Ta đã thoát khỏi sự trói buộc’ nhờ vậy, không còn sự tái sanh đối với con nữa.” (17)

चतुर्विधे नैकविधप्रसंगे यतोऽहमाहारविधावसक्तः ।

अमूर्छितश्चाप्रथितश्च तत्र त्रिभ्यो विमुक्तोऽस्मि ततो भवेभ्यः ॥ १८ ॥

“Bởi vì con không còn bị vướng bận trong các phương thức về vật thực được chia ra làm bốn loại\* và có vô số trói buộc. Về sự việc ấy, con không còn bị làm lẫn và không bị ràng buộc; do đó, con đã thoát ly khỏi tam giới.” (18)

अनिश्रितश्चाप्रतिबद्धचित्तो दृष्टश्रुतादौ व्यवहारधर्मे ।

यस्मात्समात्मानुगतश्च तत्र तस्माद्विसंयोगगतोऽस्मि मुक्तः ॥ १९ ॥

“Bởi vì tâm con đã đạt đến trạng thái tự tại của bản thân, nên không còn bị vướng bận và lệ thuộc vào việc thấy, nghe, v.v... trong vấn đề sinh hoạt hàng ngày. Do đó, con đã được giải thoát, không còn bị ràng buộc với thế gian nữa.” (19)

इत्येवमुक्त्वा गुरुबाहुमान्यात्सर्वेण कायेन स गां निपन्नः ।

प्रवेरितो लोहितचन्दनाक्तो हैमो महास्तम्भ इवावभासे ॥ २० ॥

Nói như thế xong, Nanda nghiêng mình quỳ xuống ở trên mặt đất với lòng vô cùng cung kính hướng về bậc Đạo-sư, trông giống như một cột trụ lớn bằng vàng có khắc lên những mảnh gỗ chiến đàn màu đỏ đang từ từ ngã xuống. (20)

ततः प्रमादात्प्रसूतस्य पूर्वं श्रुत्वा धृतिं व्याकरणं च तस्य ।

धर्मान्वयं चानुगतं प्रसादं मेघस्वरस्तं मुनिरावभाषे ॥ २१ ॥

Sau khi rõ được việc Nanda trước đây là kẻ theo đuổi sự đam mê, nay đã có được niềm tin an trú và tùy thuận Giáo-pháp, cùng với lòng kiên định đã được xác lập, Đức Phật với giọng nói vang như sấm dội đã bảo Nanda như vậy. (21)

उत्तिष्ठ धर्मे स्थित शिष्यनुष्ठे किं पादयोर्मे पतितोऽसि मूर्खा ।

अभ्यर्चनं मे न तथा प्रणामो धर्मे यथैषा प्रतिपत्तिरेव ॥ २२ ॥

- "Hãy đứng dậy, hỡi kẻ đã trụ vững trong Giáo-pháp với tư cách là một đệ tử, tại sao đệ lại đệ đầu ở đôi gót chân của ta như thế ? Sự tôn kính ta không phải là sự lễ bái, mà chính là sự thành tựu được việc tu tập trong Giáo-pháp." (22)

अद्यापि सुप्रव्रजितो जितात्मन्नेश्वर्यमप्यात्मनि येन लब्धं ।

जितात्मनः प्रव्रजनं हि साधु चलात्मनो न त्वजितेन्द्रियस्य ॥ २३ ॥

"Này kẻ đã tự chiến thắng lấy chính mình, đệ đã được thành công trong việc xuất gia nhờ vào việc tự quán trị

lấy bản thân đã được thành tựu. Đối với một người đã tự chiến thắng lấy bản thân mình, cuộc đời xuất gia thật là tốt đẹp, nhưng đối với người có nội tâm chao động và các giác quan chưa được chế ngự, thì vấn đề lại khác hẳn.” (23)

अद्यासि शौचेन परेण यत्तो वाक्याचेतासि शुचीनि यत्ते ।

अतः पुनश्चाप्रयतामसौम्यां यत्सौम्यं नो वेक्ष्यसि गर्भशय्यां ॥ २४ ॥

“Ngày đệ thân, từ nay đệ đã thành tựu được sự trong sạch tuyệt đối, nghĩa là thân, khẩu, và ý của đệ đã được thanh tịnh. Do đó, đệ sẽ không còn phải chứng kiến sự sanh vào thai bào ô uế và không tốt đẹp một lần nào nữa.” (24)

अद्यार्थवत्ते श्रुतवच्छ्रुतं तच्छ्रुतानुरूपं प्रतिपद्य धर्म ।

कृतश्रुतो विप्रतिपद्यमानो निन्द्यो हि निर्वीर्य इवातशस्त्रः ॥ २५ ॥

“Giờ đây, sau khi đạt được Giáo-pháp nhờ vào việc học hỏi, và việc học hỏi của đệ đã có kết quả tròn đủ; bởi vì, một người có kiến thức nhưng lại hành động sai trái, được so sánh như là kẻ đã mang vũ khí, nhưng lại không có lòng can đảm, thì đáng chế trách lắm.” (25)

अहो धृतिस्तेऽविषयात्मकस्य यत्त्वं मतिं मोक्षविधावकार्षीः ।

यास्यामि निव्रामिति बालिशो हि जन्मशय्यान्नासमिहाभ्युपैति ॥ २६ ॥

“Khá lắm, nội tâm đệ đã vững vàng không còn bị ngoại cảnh chi phối, nhờ vào việc người đã đặt tâm trí vào quỹ đạo giải thoát; bởi vì, ở trong thế gian này, kẻ ngu si thường có nỗi sợ hãi trong sự đoạn tận của sự sanh, và nghĩ rằng: ‘Ta sẽ không đi đến sự đoạn tận.’” (26)

दिष्ट्या दुरापः क्षणसन्निपातो नायं कृतो मोहवशेन मोघः ।

उदेति दुःखेन गतो दग्धस्तात्कूर्मो युगच्छिद्र इवार्णवस्थः ॥ २७ ॥

"Cuộc đời ngắn ngủi này là điều khó đạt. Tốt đẹp thay cuộc đời của đê đã không phải bị uống phi khi ở dưới sự sai khiến của vô minh. Bởi vì, một người khi đã bị sanh vào cõi khổ rất khó khăn mới được sanh lên lại làm người; tương tự như chuyện con rùa sống ở đại dương và cái óch có lỗ hổng\*." (27)

निर्जित्य मारं युधि दुर्निवारमद्यासि लोके रणशीर्षशूरः ।

शूरोऽप्यशूरः स हि वेदितव्यो दौषैरभिधैरिव हन्यते यः ॥ २८ ॥

"Giờ đây, đê là anh hùng ở thế gian, dẫn đầu đoàn quân ở trận tiền. Đã chiến thắng Ma-vương là kẻ thù rất khó khăn mới có thể đối đầu. Bởi vì, cho dù là kẻ anh hùng, vẫn không được xem là anh hùng, khi bị kẻ thù cũng như những tội xấu chế ngự." (28)

निर्वाप्य रागाग्निमुदीर्णमद्य दिष्ट्या सुखं स्वप्स्यसि वीतदाहः ।

दुःखं हि शेते शयनेऽप्युदारे क्लेशाग्निना चेतसि दह्यमानः ॥ २९ ॥

"Giờ đây, thật tốt đẹp cho đê khi đã dập tắt được ngọn lửa ái tình đang bốc phát mãnh liệt, đê có thể nghỉ ngơi thoải mái khi cơn sốt đã không còn. Bởi vì, một người khi tâm vẫn còn bị thiêu đốt bởi ngọn lửa nào phiền, cho dù có ở trên giường nệm cao sang, vẫn trần trọc một cách khổ sở." (29)

अभ्युच्छित्तो द्रव्यमदेन पूर्वमद्यासि तृणोपरमात्समूहः ।

यावत्सतर्षः पुरुषो हि लोके तावत्समूहोऽपि सदा दरिद्रः ॥ ३० ॥

"Trước đây, đệ được đặc ý với sự tự hào về tài sản thì giờ đây đệ được toại nguyện nhờ sự diệt tận tham ái. Bởi vì trong thế gian này, chúng nào một nam nhân còn lòng khao khát, chúng ấy giờ vẫn nghèo nàn cho dù giàu có đến đâu chăng nữa." (30)

अद्यापदेहं तव सुकरूपं शुद्धोधनो मे नृपतिः पितेति ।

भ्रष्टस्य धर्मातिपुभिर्निपातादस्त्रघनीयो हि कुलापदेशः ॥ ३१ ॥

"Giờ đây là lúc thích hợp để đệ tuyên bố rằng: 'Đức vua Tịnh-Phon (Suddhodhana) là thân phụ của ta'; bởi vì sự tách rời gia tộc của một người đã từ bỏ truyền thống được quy định của tổ tiên thì không đáng để khen ngợi." (31)

दिष्ट्यामि शान्तिं परमामुपेतो निस्तीर्णकान्तार इवाप्तसारः ।

सर्वो हि संसारगतो भयार्तो यथैव कान्तारगतस्तथैव ॥ ३२ ॥

"Thật tốt đẹp thay việc đệ đã đạt được sự Tĩnh-tĩnh tối thượng, giống như một người đã vượt qua khu rừng rậm và có được kho báu. Bởi vì, ai ai cũng đều bị luân chuyển trong vòng tái sinh và bị hành hạ bởi nỗi sợ hãi, giống như một kẻ đang đi trong khu rừng rậm." (32)

आरण्यकं भैक्षचरं विनीतं द्रक्ष्यामि नन्दं निमृत्तं कदेति ।

आसीत्पुरस्तात्त्वयि मे दिदृक्षा तथासि दिष्ट्या मम दर्शनीयः ॥ ३३ ॥

"Trước đây, ta luôn có ước muốn được gặp lại đệ và nghĩ rằng: 'Khi nào ta sẽ gặp lại Nanda, giờ đây đang sống ở rừng, đói khát thực, có được sự tu tập, và sự tự chủ? Và việc ta được gặp lại đệ như thế này thật là tốt đẹp.'" (33)

भवत्परूपोऽपि हि दर्शनीयः स्वलंकृतः श्रेष्ठमैगुणैः स्वैः ।

दोषैः परितो मलिनीकरैस्तु सुदर्शनोऽपि विरूप एव ॥ ३४ ॥

"Bởi vì, một nam nhân cho dù xấu trai, nhưng bản thân được phủ cho những đức tính tốt đẹp bậc nhất thì cũng nên tiếp kiến; còn kẻ có những hành động bỉ ổi và toàn là những tội xấu, cho dù có đẹp trai cỡ nào cũng chỉ là một loài thú vật." (34)

अथ प्रकृष्टा तव बुद्धिमत्ता कृत्स्नं यथा ते कृतमात्मकार्यं ।

श्रुतोन्नतस्यापि हि नास्ति बुद्धिर्नोत्पद्यते श्रेयसि यस्य बुद्धिः ॥ ३५ ॥

"Giờ đây, trí tuệ của đệ đã được thức tỉnh; nhờ đó, đệ đã hoàn thành được tất cả những phận sự cần phải thực hành. Bởi vì, đối với một người, cho dù có kiến thức bao nhiêu chẳng nữa cũng không được gọi là có trí tuệ, khi kiến thức của anh ta không đem lại sự tốt lành." (35)

उन्मीलितस्यापि जनस्य मध्ये निर्मीलितस्यापि तथैव चक्षुः ।

प्रज्ञामयं यस्य हि नास्ति चक्षुधक्षुर्न तस्यास्ति सचक्षुषोऽपि ॥ ३६ ॥

"Tuông tợ như thế ấy, ở giữa một đám người, mặc dầu có cặp mắt mở lớn, nhưng một người bị mù vẫn được xem là có thị giác. Bởi vì, người ấy tuy bị mù nhưng có sự giác ngộ; bằng ngược lại, cho dù có cặp mắt, đám người ấy vẫn giống như mù vậy." (36)

दुःखप्रतीकारनिमित्तमार्तः कृष्यादिभिः खेदमुपैति लोकः ।

अजस्रमागच्छति तच्च भूयो ज्ञानेन यस्याद्य कृतस्त्वयान्तः ॥ ३७ ॥

"Nhân loại đã bỏ nhiều công sức khó nhọc trong việc tìm kiếm những phương thức để giải quyết sự khổ đau, và đang tiếp tục công việc ấy không ngừng nghỉ mà vẫn bị khổ đau. Phần đệ, nhờ vào trí tuệ mà sự chấm dứt khổ đau ấy đã được hoàn tất ." (37)

दुःखं न मे स्यात्सुखमेव मे स्यादिति प्रवृत्तः सततं हि लोकः ।

न वेत्ति तच्चैव तथा यथा स्यात्प्राप्तं त्वयाद्यासुखं यथावत् ॥ ३८ ॥

"Chúng sanh thường suy nghĩ: 'Tôi không muốn khổ đau, tôi chỉ muốn hạnh phúc', và không ngừng ra sức nhưng vẫn không biết làm cách nào để thành tựu mục đích. Phần đệ, giờ đây mục đích ấy đã được thành tựu với kết quả tốt đẹp." (38)

इत्येवमादि स्थिरबुद्धिचित्तस्तथागतेनाभिहितो हिताय ।

स्तवेषु निन्दासु च निर्व्यपेक्षः कृताञ्जलिर्वाक्यमुवाच नन्दः ॥ ३९ ॥

Khi được Đấng Thiện-thệ xác định về sự lợi ích như thế ấy, Nanda, với tâm đã được vững chắc nhờ vào sự Giác-ngộ, nên không còn xem sự khen chê là quan trọng nữa, và đã chấp tay lại nói lên lời như vầy: (39)

अहो विशेषेण विशेषदर्शिस्त्वयानुकम्पा मयि दशितिर्य ।

यत्कामपद्मे भगवन्निमग्नस्वातोऽस्मि संसारभयादकामः ॥ ४० ॥

- "Ôi, hỡi Bậc có sự hiểu biết siêu phàm! Thật đặc biệt thay Ngài đã quan tâm thể hiện lòng từ mẫn đối với con! Bạch Đức Thế Tôn, bởi vì con như là một người bị lún sâu trong vũng lầy của tình ái đã được cứu thoát, giờ không còn ái dục, và cũng không còn sợ hãi sự luân hồi nữa." (40)

भ्रात्रा त्वया श्रेयसि दैशिकेन पित्रा फलस्थेन तथैव मात्रा ।

हतोऽभविष्य यदि न व्यमोक्ष्य सार्थात्परिभ्रष्ट इवाकुतार्थः ॥ ४१ ॥

“Nhờ Ngài, là người anh và là người đã dẫn dắt đến sự hoàn thiện, là người cha đồng thời cũng là người mẹ trong việc bảo toàn thành quả. Nếu sự giải thoát này không được thành tựu và con không đạt được mục đích, cũng giống như người đã lạc mất chiếc xe hàng hóa, chỉ còn đi đến sự diệt vong.” (41)

शान्तस्य तुष्टस्य सुखो विवेको विज्ञाततत्त्वस्य परीक्षकस्य ।

प्रहीणभानस्य च निर्मदस्य सुखं विरागत्वमसक्तबुद्धेः ॥ ४२ ॥

“Đối với người đã có sự thanh tịnh, an vui, nhận thức được Chân-lý, và có sự hiểu biết toàn diện, việc nhận thức được bản chất thật là dễ dàng; còn đối với người không còn tự cao, ngã mạn đã được từ bỏ, có trí tuệ, không còn chấp thủ thì việc không còn lòng tham ái cũng được dễ dàng.” (42)

अतो हि तत्त्वं परिगम्य सम्यग्निर्भूय दोषानधिगम्य शान्तिं ।

स्वं नाश्रयं संप्रति चिन्तयामि न तं जनं नाप्सरसो न देवान् ॥ ४३ ॥

“Chính vì như thế, sau khi đã hiểu được Chân-lý một cách đúng đắn, đã từ bỏ mọi ô nhiễm, và đạt đến sự Tịch-tĩnh; cho nên, giờ đây con không còn lòng ham muốn ngôi nhà, người vợ, các nàng tiên nữ, hoặc các cung trời nữa.” (43)

इदं हि भुक्त्वा शुचिं शामिकं सुखं न मे मनः कांक्षति कामजं सुखं ।

महार्हमप्यन्नमदैवताहृतं दिवौकसो भुक्त्वतः सुधामिव ॥ ४४ ॥

“Bởi vì, khi đã hưởng được niềm an lạc thánh thiện của sự Tĩnh-tĩnh này, tâm trí con không còn khao khát khoái lạc sanh khởi từ dục tình nữa; tương tự như việc các vị thiên thần đã thường thức các vật thanh khiết, đâu còn khao khát thức ăn trần thế, cho dù rất ngon lành, nhưng không xứng để các vị ấy sử dụng.” (44)

अहोऽन्धविज्ञाननिर्मलितं जगत्पटान्तरे पश्यति नोत्तमं सुखं ।

सुधीरमध्यात्मसुखं व्यपास्य हि श्रमं तथा कामसुखार्थमृच्छति ॥ ४५ ॥

“Thật tiếc thay, thế gian này bị màn đêm phủ lấp đi sự nhận thức, cho nên không thấy được sự an lạc tối thượng khi đang ở dưới màn vải che ấy! Bởi vì, thế gian đã khuếch từ sự an lạc của nội tâm cao thượng bền vững, và gánh lấy sự khổ nhọc trong khi theo đuổi khoái lạc dục tình.” (45)

यथा हि रत्नाकरमेत्य दुर्मतिर्विहाय रत्नान्यसतो मणीन्हरेत् ।

अपास्य संबोधिसुखं तथोत्तमं श्रमं ब्रजेत्कामसुखोपलब्धये ॥ ४६ ॥

“Bởi vì, ví như một kẻ ngu dốt đã đi đến kho châu báu, lại bỏ qua những hạt trân châu quý giá và lấy đi những viên thủy tinh tầm thường; tương tự như thế, gã ấy đã bỏ đi sự an lạc tối thượng của sự Giác-ngộ, lại ra sức khổ nhọc để đạt cho được khoái lạc dục tình.” (46)

अहो हि सत्त्वेष्वतिमैत्रचेतसस्तथागतस्यानुजिघृक्षुता परा ।

अपास्य यद्वयानसुखं मुने परं परस्य दुःखोपरमाय सिध्यसे ॥ ४७ ॥

“Ôi quý hoá thay, Đấng Thiện Thệ với tấm lòng từ mẫn vô thượng chỉ mong muốn đem lại một cơ hội hiếm có

cho chúng sanh! Bởi vì, Ngài đã hy sinh sự an lạc cao quý trong thiền định của bậc hiền sĩ, lại nhọc công vì sự đoạn tận khổ đau của người khác.” (47)

मया नु शक्यं प्रतिकर्तुमद्य किं गुरौ हितैषिण्यनुकम्पके त्वयि ।

समुद्धतो येन भवार्णवादहं महार्णवाचूर्णितनौरिवोर्मिभिः ॥ ४८ ॥

“Vậy thì giờ đây, việc gì con có thể làm để đền đáp lại Ngài, là bậc Đạo-sư có lòng từ mẫn luôn mong mỏi đem lại sự lợi ích ? Bởi vì, Ngài đã cứu vớt con ra khỏi đại dương của sự luân hồi; tương tự như đã cứu một người ra khỏi biển cả trong lúc con thuyền nhỏ nhoi đang bị vỡ tan bởi những làn sóng nước.” (48)

ततो मुनिस्तस्य निशम्य हेतुमत्प्रहीणसर्वास्रवसूचकं वचः ।

इदं वभाषे बदतामनुत्तमो यदहंति श्रीघन एव भाषितुं ॥ ४९ ॥

Sau đó, Đức Phật, vị Đệ nhất Pháp-sư, khi nghe qua lời trình bày có nguyên do của Nanda chứng tỏ rằng chàng đã đoạn tận mọi điều ô nhiễm, nên đã nói lên điều mà chỉ có một vị Phật mới đủ khả năng để tuyên bố: (49)

इदं कृतार्थः परमार्थवित्कृती त्वमेव धीमन्नभिधातुमर्हसि ।

अतीत्य कान्तारमवाप्तसाधनः सुदैशिकस्येव कृतं महायगिक् ॥ ५० ॥

“Hỡi kẻ có trí tuệ kia, khi mục đích đã thành tựu, có sở hành và sự hiểu biết về mục đích cao thượng, đệ hãy tuyên bố lên điều ấy; tương tự như một một nhà buôn lớn, sau khi đã vượt qua khu rừng thẳm và có được của cải dồi dào, có thể tuyên bố lên việc đã làm của người dẫn đường thiện xảo.” (50)

अवेति बुद्धं नरदम्यसारथिं कृती यथार्हं ह्युपशान्तमानसः ।

न रहसत्पोऽपि तथावबुध्यते पृथग्जनः किं वत बुद्धिमानपि ॥ ५१ ॥

“Làm thế nào một hạng phàm nhân, cho dù kẻ ấy đã thấy được Chân-lý, hoặc có trí tuệ, lại có khả năng hiểu được Đức Phật, là vị hướng dẫn các chúng sanh có khả năng giác ngộ (Đấng Điều-ngự Trượng-phu), bằng một vị Thánh A-la-hán có sở hành và tâm trí thanh tịnh được ? ” (51)

रजस्तमोभ्यां परिमुक्तचेतसस्तथैव चेयं सहशी कृतज्ञता ।

रजःप्रकर्षेण जगत्पवस्थिते कृतज्ञभावो हि कृतज्ञ दुर्लभः ॥ ५२ ॥

“Này kẻ đã thành tựu trí giác ngộ kia, điều hiển nhiên là để đã được giải thoát khỏi sự ô nhiễm và si mê, lại thêm trí giác ngộ đã được thành tựu. Việc thành tựu được trí giác ngộ là việc khó khăn đối với kẻ đang sống ở thế gian này khi luôn bị sự cuốn hút của các điều ô nhiễm.” (52)

सधर्म धर्मान्वयतो यतश्च ते मयि प्रसादोऽधिगमे च कौशलं ।

अतोऽस्ति भूयस्तथयि मे विवक्षितं नतो हि भक्तश्च नियोगमर्हसि ॥ ५३ ॥

“Này người đã đạt được thiện pháp kia, bởi vì, khi đã đặt trọn niềm tin ở nơi ta và có được thiện pháp thì để đã thành đạt Giáo-pháp. Do đó, ta còn nhiều điều cần dạy dỗ, bởi vì để là người khiêm tốn, tận tụy, và xứng đáng với nhiệm vụ được giao phó.” (53)

अवाप्तकार्योऽसि परां गतिं गतो न तेऽस्ति किञ्चित्करणीयमण्वपि ।

अतः परं सौम्य चरानुकम्पया विमोक्षयन् कृच्छ्रातान्परानपि ॥ ५४ ॥

“Đệ đã hoàn thành các phận sự cần phải làm và đã đạt đến cảnh giới cao thượng. Với đệ, không còn gì cần phải thực hành cho dù là nhỏ nhen. Do đó, này đệ thân, vì lòng bi mẫn hãy sẵn lòng tế độ, đồng thời hãy giúp cho những kẻ khác đang chịu khổ đau được hưởng phần giải thoát.” (54)

इहायमिवारभते नरोऽधमो विमध्यमस्तुभयलौकिकीं क्रियां ।

क्रियाममुत्रैव फलाय मध्यमो विशिष्टधर्मा पुनरप्रवृत्तये ॥ ५५ ॥

“Chúng sanh có căn cơ thấp kém chỉ chú trọng vào các mục đích ở thế gian này, còn có hạng khá hơn thì chú trọng đến cả hai cõi thế tục và thần tiên. Chúng sanh có căn cơ bậc trung thì chú trọng các sở hành đem lại kết quả cho các đời sau, còn người có bản chất xuất chúng chỉ chú trọng đến việc không còn tái sanh nữa.” (55)

इहोत्तमेभ्योऽपि मतः स तूत्तमो य उत्तमं धर्ममवाप्य नैष्ठिकं ।

अचिन्तयित्वात्मगतं परिश्रमं शमं परेभ्योऽप्युपदेष्टुमिच्छति ॥ ५६ ॥

“Ở trong thế gian này, người được xem là xuất chúng giữa những người xuất chúng, sau khi thành tựu được Giáo-pháp tối thượng và toàn hảo, không quan tâm đến sự nhọc nhằn đem lại cho bản thân, mà chỉ mong mỏi chỉ dẫn sự Tịch-tĩnh này đến kẻ khác.” (56)

विहाय तस्मादिह कार्यमात्मनः कुरु स्थिरात्मन्परकार्यमप्यथो ।

भ्रमत्सु सत्त्वेषु तमोवृतात्मसु श्रुतप्रदीपो निशि धार्यतामयं ॥ ५७ ॥

“Do đó, này kẻ có nội tâm vững chắc, hãy dứt bỏ những việc cần phải làm cho cá nhân ở thế gian này,

đồng thời hãy thực thi bốn phận đối với kẻ khác. Hãy đem lại sự soi sáng của trí tuệ cho những chúng sanh có nội tâm bị che phủ bởi sự mê mờ đang còn lang thang trong đêm tối." (57)

मवीतु तावत्पुरि विस्मितो जनस्त्वयि स्थिते कुर्याति धमदिशनाः ।

अहोवताश्चर्यमिदं विमुक्तये करोति रागी यदयं कथामिति ॥ ५८ ॥

"Khi đệ vào trong thành thuyết giảng Giáo-pháp, hãy để cho dân chúng ngạc nhiên và thốt lên rằng: 'Ồ! Điều này thật là kỳ diệu! Bởi vì kẻ lữ tình kia đang thuyết giảng về sự Giải-thoát.'" (58)

ध्रुवं हि संश्रुत्य तव स्थिरं मनो निवृत्तनानाविषयैर्मनोरथैः ।

वपूहि सापि तवानुकुर्वन्ती करिष्यते स्त्रीषु विरागिणीः कथाः ॥ ५९ ॥

"Bởi vì, sau khi biết được rằng tâm trí của đệ nay đã được kiên cố vững vàng, và không còn những sự ước muốn liên quan đến thế gian muốn về này nữa; ở nội cung, nàng Sundari cũng sẽ noi theo đệ và sẽ giáo dục các nàng cung nữ về việc thoát ly dục tình." (59)

त्वयि परमधृतौ निविष्टतत्त्वे भवनगता न हि रंस्यते ध्रुवं सा ।

मनसि शमदमात्मके विविक्ते मतिरिव कामसुखैः परीक्षकस्य ॥ ६० ॥

"Bởi vì, trong lúc đệ có được sự kiên định tối thượng và đã thể nhập Chân-lý, chắc chắn rằng nàng cũng sẽ không còn thấy niềm vui thích khi phải ở trong cung nội; tương tự như thế, khi tâm của một người đã được an tĩnh và thuần thực, có sự trong sạch, tâm của người ấy sẽ không còn vương bận đến sự khoái lạc của dục tình nữa." (60)

इत्यर्हतः परमकारुणिकस्य शास्तु-

र्मूर्ध्ना वचश्च चरणौ च समं गृहीत्वा ।

स्वस्थः प्रशान्तहृदयो विनिवृत्तकार्यः

पार्श्वान्मुनेः प्रतिययौ विमदः करीव ॥ ६१ ॥

Rồi Nanda, với nội tâm vững chắc, tâm ý thanh tịnh, và phận sự đã hoàn thành, sau khi đã ghi nhớ lời dạy liền tức thời để đầu ở đôi chân của đáng Đạo-sư, bậc A-la-hán, bậc có lòng bi mẫn tối thượng, và đã giả tử Đức Phật để lên đường, trông giống như một chú voi đã qua cơn động tĩnh vậy. (61)

भिक्षार्थं समये विवेश स पुरं दृष्टीर्जनस्याक्षिपन्

लभालाभसुखासुखादिषु समः स्वस्थेन्द्रियो निःस्पृहः ।

निर्मोक्षाय चकार तत्र च कथां काले जनायार्थिने

नैवोन्मार्गतान्परान्परिभवन्नात्मानमुत्कर्षयन् ॥ ६२ ॥

Nanda, nay không còn lòng khao khát, có các giác quan hướng nội, và dùng dùng với những sự được, mất, vui, buồn, v.v.... đúng thời điểm, liền đi vào thành để khát thực, và đã thu hút ánh nhìn của dân chúng. Ở trong thành, vào lúc hợp thời, Nanda đã thuyết giảng về sự Giải-thoát đến người có sự tầm cầu chân lý, không chê bai những người khác đang đi trên đạo lộ sai trái, và cũng không tự hào với chính bản thân mình. (62)

इत्येषा व्युपशान्तये न रतये मोक्षार्थगर्भा कृतिः

श्रोतॄणां ग्रहणार्थमन्यमनसा काव्योपचारात्कृता ।

यन्मोक्षात्कृतमन्यदत्र हि मया तत्काव्यधर्मात्कृतं

पातुं तित्कमिबौषधं मधुयुतं हृद्यं कथं स्यादिति ॥ ६३ ॥

Như vậy, tác phẩm này tập trung vào chủ đề Giải-thoát được thực hiện theo thể thi ca (Kāvya), không nhằm vào mục đích giải trí, mà nhằm vào sự giải thích rõ hơn về sự Tịch-tĩnh, nhằm mục đích thu hút được người nghe đang chú tâm vào công việc khác. Do đó, trong tác phẩm này, bên cạnh chủ đề Giải-thoát, một số chi tiết khác đã được tôi kết hợp phù hợp với quy luật của thể thi ca này; tương tự như một ngọt đã được thêm vào để giúp cho việc uống phương thuốc đắng được phần nào dễ dàng hơn. (63)

प्रायेणालोक्य लोकं विषयरतिपरं मोक्षात्प्रतिहतं

काव्यव्याजेन तत्त्वं कथितमिह मया मोक्षः परमिति ।

तद्बुद्ध्वा शामिकं यत्तदवहितमितो ग्राह्यं न ललितं

पांसुभ्यो घातुजेभ्यो नियतमुपकरं चामीकरमिति ॥ ६४ ॥

Bởi vì, nhận thấy rằng thế gian quan tâm nhiều hơn đến các khoái lạc vật chất, mà xao lãng việc giải thoát, nên tôi mới dùng phương tiện thi ca để trình bày về Chân-tý cao thượng là sự Giải-thoát. Khi đã hiểu như thế, lúc nghiên cứu tác phẩm này, xin hãy suy xét về những sự kiện liên quan đến sự Tịch-tĩnh, chớ chẳng phải những điều có tính chất thế tục; tương tự như vàng ròng được lắng đọng lại từ các tinh thể lẫn trong khối đất bùn. (64)

सौन्दरनन्दे महाकाव्य आज्ञाव्याकरणो नामाष्टादशः सर्गः ।

Chương thứ mười tám “Thuyết giảng về sự Giác-ngộ”  
của bộ trường thi “Saundarananda”

आर्यसुवर्णाक्षीपुत्रस्य साकेतकस्य भिक्षोराचार्यभट्टन्ताश्चधोषस्य

महाकवेर्महावादिनः कृतिरियं ॥

Tác phẩm này của vị đại giảng sư, đại thi sĩ,  
tỳ khưu giáo thọ sư khả kính Áśvaghoṣa,  
người con trai cao quý của bà Suvarṇākṣī,  
xứ Śāketa.